

Bản án số: 483/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Lê Thu.

2. Ông Lâm Viên Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/QĐST-HNGĐ ngày 13 ngày 8 tháng 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Phạm Kim M, sinh năm 1983; HKTT: đường H, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: ấp M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lạc Cẩm H, sinh năm 1982; Địa chỉ: đường H, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Lê Phạm Kim M và ông Lạc Cẩm H chung sống với nhau từ năm 2011. Vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 1/2011 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có một con chung là Lạc Ngọc S (nữ, sinh ngày 09/11/2012).

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 04/4/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Phạm Kim M trình bày:*

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm và tính cách không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông H không có việc làm ổn định phải sống nhờ vào gia đình. Bà M phải đi làm nuôi con. Ông H có rất nhiều lời nói xúc phạm, ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh Bà M. Ông H làm gia đình lúc nào cũng trong tình trạng căng thẳng, bản thân Bà M phải chịu áp lực lớn nên có dấu hiệu bị trầm cảm trong thời gian dài. Cuộc sống quá ngột ngạt nên Bà M và con gái đã chuyển ra ngoài sinh sống từ giữa năm 2019.

Nay Bà M xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và Ông H không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn với nhau được nên Bà M yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với Ông H để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý, ổn định cuộc sống để chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Bà M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lạc Ngọc S, yêu cầu Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/8/2020, sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, Bà M có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà tự nguyện không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Bị đơn - Ông Lạc Cẩm H* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để Tòa án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông H đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai, ý kiến và yêu cầu của Ông H được. Ông H cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn – bà Lê Phạm Kim M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn – ông Lạc Cẩm H – vắng mặt tại phiên tòa.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11* phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thẩm phán còn chưa đảm bảo thời gian tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án cần khắc phục.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Phạm Kim M.

+ Về con chung: Giao trẻ Lạc Ngọc S cho Bà M được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ xem xét đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Phạm Kim M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lạc Cẩm H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ kết quả cung cấp thông tin của Công an Phường G, Quận E: “Ông Lạc Cẩm H, sinh năm: 1982; HKTT đường H, PG, QE thực tế có cư trú tại địa phương”, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà M vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt, Ông H đã được Tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ông H, Bà M.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/7/2020 thì các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà M và Ông H chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của Bà M: trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm và tính cách không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông H không có việc làm ổn định phải sống nhờ vào gia đình. Bà M phải đi làm nuôi con. Ông H có rất nhiều lời nói xúc phạm, ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh Bà M. Ông H làm gia đình lúc nào cũng trong tình trạng căng thẳng, bản thân Bà M phải chịu áp lực lớn nên có dấu hiệu bị trầm cảm trong thời gian dài. Cuộc sống quá ngột ngạt nên Bà M và con gái đã chuyển ra ngoài sinh sống từ giữa năm 2019 đến nay. Hiện nay, Bà M xác định không còn tình cảm vợ chồng với Ông H nên yêu cầu được ly hôn với Ông H.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập Ông H đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, hòa giải cho hai bên đương sự theo quy định của pháp luật nhưng Ông H không đến cho thấy Ông H không có thiện chí duy trì quan hệ hôn nhân với Bà M.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Bà M và Ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên.

Do việc Bà M yêu cầu ly hôn với Ông H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung:

Căn cứ Sổ tạm trú số 590041150 ngày 30/6/2020 của Công an thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Giấy xác nhận của Công ty

TNHH May Thêu giày An Phước, Biên bản lấy lời khai của trẻ tại Tòa án nhân dân Quận 11 thể hiện trẻ Lạc Ngọc S, sinh năm 2012 hiện đang sống với Bà M và có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì muốn được sống với mẹ.

Ông Lạc Cẩm H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Lạc Ngọc S hiện đang sống với mẹ, cuộc sống ổn định. Bà M là người có chỗ ở, việc làm và thu nhập, có khả năng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà M, giao con chung cho Bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện, Bà M yêu cầu Ông H cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung. Trước khi Tòa án mở phiên tòa xét xử Bà M đã thay đổi yêu cầu, không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thay đổi yêu cầu của Bà M không vượt quá giới hạn yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận.

Bà M tự nguyện không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà M khai không có. Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Bà M chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Phạm Kim M.

- Bà Lê Phạm Kim M được ly hôn với ông Lạc Cẩm H. Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyền số 1/2011 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 20/7/2011 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là Lạc Ngọc S (nữ, sinh ngày 09/11/2012) cho bà Lê Phạm Kim M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Phạm Kim M không yêu cầu ông Lạc Cẩm H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ việc xem xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lạc Cẩm H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Phạm Kim M chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010068 ngày 26/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà M đã nộp đủ án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 11;
- UBND Phường G, Quận E, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Ngọc Diệp